

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU TUYỂN CHỌN BỘ GIỐNG ỚT CAY CHO VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

Lê Văn Luy, Trần Minh Hải,
Vũ Văn Khuê, Cao Thị Trâm

SUMMARY

The results of research an selection hot pepper varieties for southern coastal central Vietnam

Hot pepper (*Capsium Annuum* L.) a members of the nightshade family (Solanaceae) is a herbaceous spices plant, a very important vegetables, with high economic value and widely used around the world. In Vietnam, the hot pepper is grown widely throughout the country. During the period from 2007 - 2010, the Agricultural Science Institute for Southern Coastal Central of Vietnam (ASISOV) collected 14 hot pepper varieties. Through our research and selection, we found some hot pepper varieties suitable cultivation conditions of Southern Coastal Central of Vietnam include: 9955-15 variety with yield 29.43 tons/ha and F1 207 variety with yield 18.12 tons/ha.

Keywords: Hot pepper, spices plant, Southern Coastal Central of Vietnam.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây ớt cay (*Capsium Annuum*. L) thuộc họ cà (*Solanaceae*), là cây gia vị thân thảo, thân dưới hóa gỗ, có thể sống vài năm là cây rau quan trọng và sử dụng phổ biến trên thế giới. Trong ớt chứa các loại vitamin A, C, D các chất khoáng Ca, Fe, Na, P, S và một số loại axit amin (thiamin, axit oxalic, riboflamin...) ngoài ra trong ớt còn chứa protein và chất béo.

Ở nước ta, cây ớt là một loại rau gia vị có giá trị kinh tế cao, được trồng rộng rãi trong cả nước. Những năm gần đây, một số tỉnh cũng đã bắt đầu trồng ớt với diện tích lớn, nhằm cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy, các công ty sản xuất các mặt hàng thực phẩm để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đã đem lại lợi nhuận cao.

Với đặc điểm tự nhiên của vùng Duyên hải Nam Trung bộ, có khả năng phát triển ớt trên quy mô lớn, tạo thành nguồn hàng hóa tập trung trong chuyển đổi cơ cấu cây

trồng theo hướng hiệu quả và bền vững, làm tăng doanh thu trên đơn vị diện tích góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân nông thôn. Tuy nhiên trong sản xuất, giống ớt được sử dụng rất đa dạng, phần nhiều là giống địa phương, năng suất và chất lượng thấp, khả năng kháng sâu bệnh kém nên dễ bị thất bại. Do vậy, việc đầu tư thường không mang lại hiệu quả cao trên đơn vị đất canh tác, nông dân chưa an tâm khi phát triển loài cây này.

Vì vậy, việc tuyển chọn được bộ giống ớt có năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu được một số loài sâu bệnh hại chính và thích nghi được với điều kiện sinh thái vùng Duyên hải Nam Trung bộ là rất cần thiết.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu nghiên cứu

Sử dụng bộ giống ớt cay triển vọng gồm 14 giống, được chia thành hai nhóm: Nhóm chi thiên và nhóm chi địa theo bảng 1:

Bảng 1. Tên và nguồn gốc các giống ớt cay tham gia thí nghiệm

TT	Tên giống	Nguồn gốc
Giống ớt chỉ thiên		
1	MH 1107	Thái Lan
2	F1 433 (đ/c)	Cty Đông Tây
3	F1 TN 278	Cty Trang Nông
4	CN 255	Thái Lan
5	GR 8888	Cty Đông tây
6	A hương	Cty Nông Hữu
7	F1 207	Cty Đông Tây
Giống ớt chỉ địa		
8	F1 số 20	Cty Miền Nam
9	Sừng Vàng (TN 213) (đ/c)	Cty Trang Nông
10	9339-9582	Đài Loan
11	F1 TN 155	Cty Trang Nông
12	Chilli F1 TN 185 (TN185)	Cty Trang Nông
13	9955-15	Đài Loan
14	Hot Chilli	Đài Loan

2. Phương pháp nghiên cứu

+ Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD) với 4 lần nhắc lại.

+ Các chỉ tiêu đánh giá: Các đặc tính nông sinh học.

+ Số liệu thu thập được xử lý bằng chương trình IRRISTAT và EXCEL.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Đặc điểm thực vật học của các giống ớt cay

Qua theo dõi, đặc điểm thực vật học của các giống ớt được thể hiện qua bảng 2:

Bảng 2. Đặc điểm thực vật học các giống ớt tham gia thí nghiệm

TT	Tên giống	Màu sắc lá	Màu sắc quả xanh	Màu sắc quả chín
Giống ớt chỉ thiên				
1	MH 1107	Xanh đậm	Xanh nhạt	Đỏ tươi
2	F1 433	Xanh đậm	Xanh đậm	Đỏ tươi
3	F1 TN 278	Xanh nhạt	Xanh nhạt	Đỏ nhạt
4	CN 255	Xanh đậm	Xanh	Đỏ
5	GR 8888	Xanh đậm	Xanh	Đỏ
6	A hương	Xanh đậm	Xanh đậm	Đỏ tươi
7	F1 207	Xanh nhạt	Xanh	Đỏ đậm
Giống ớt chỉ địa				
8	F1 số 20	Xanh đậm	Xanh đậm	Đỏ đậm
9	TN 213	Xanh nhạt	Vàng xanh	Đỏ tươi
10	9339-9582	Xanh đậm	Xanh đậm	Đỏ đậm
11	F1 TN 155	Xanh đậm	Xanh nhạt	Đỏ tươi
12	TN 185	Xanh đậm	Vàng xanh	Đỏ tươi
13	9955-15	Xanh nhạt	Vàng trắng	Đỏ tươi
14	Hot Chilli	Xanh đậm	Xanh đậm	Đỏ đậm

Qua bảng trên cho thấy: Màu sắc lá của đa số các giống có màu xanh đậm, một số ít các giống có màu xanh nhạt. Màu sắc quả xanh ở đa số các giống là màu xanh, 2 giống có màu vàng xanh là TN 213 và TN 185, duy nhất chỉ có giống 9955-15 là có màu vàng trắng. Màu sắc

quả chín ở tất cả các giống đều có màu từ đỏ nhạt đến đỏ đậm.

2. Thời gian sinh trưởng của các giống ớt cay

Qua nghiên cứu thời gian sinh trưởng của các giống, các kết quả được thể hiện qua bảng 3.

Bảng 3. Thời gian sinh trưởng của các giống ớt tham gia thí nghiệm

TT	Chỉ tiêu Tên giống	Từ gieo đến...(ngày)				Từ trồng đến... (ngày)				Tổng TGST	
		Mọc		Trồng		50% cây ra hoa		50% cây có quả chín		BĐ	QN
		BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN		
Giống ớt chi thiên											
1	MH 1107	14	12	40	38	25	26	60	62	136	143
2	F1 433(đ/c)	6	6	30	30	24	24	58	58	162	158
3	F1 TN 278	6	6	30	30	24	24	60	62	145	137
4	CN 255	11	11	35	34	27	28	55	55	138	131
5	GR 8888	11	9	35	35	23	23	60	60	152	162
6	A hương	13	12	37	37	23	27	60	60	161	167
7	F1 207	6	6	30	30	23	23	60	60	138	143
Giống ớt chi địa											
8	F1 số 20	6	6	30	30	23	27	62	65	164	151
9	TN 213(đ/c)	6	7	30	30	25	25	69	70	132	143
10	9339-9582	8	8	30	30	25	26	62	62	153	150
11	F1 TN 155	6	6	30	30	25	25	58	58	151	146
12	TN 185	6	6	30	30	23	23	60	63	140	133
13	9955-15	6	6	30	30	23	23	60	60	123	127
14	Hot Chilli	6	6	30	30	23	24	60	60	163	157

Ghi chú: (BĐ) Bình Định; (QN) Quảng Nam

Từ số liệu thu thập được ở bảng 3 cho ta thấy:

Đối với các giống chi địa, thời gian sinh trưởng ở giai đoạn đầu là tương đối đồng đều, tuy nhiên tổng thời gian sinh trưởng của các giống có sự khác biệt rất lớn, dao động từ 123 - 164 ngày ở Bình Định và từ 127 - 157 ngày ở Quảng Nam.

Đối với các giống chi thiên, thời gian từ gieo đến mọc có sự chênh lệch nhau rất lớn và dao động từ 6 - 14 ngày. Ở giai đoạn từ

trồng tới 50% số cây có quả chín thì thời gian giữa các giống không có sự chênh lệch lớn. Tuy nhiên, tổng thời gian sinh trưởng của các giống có sự dao động lớn từ 137 - 162 ngày ở Bình Định và từ 131 - 167 ngày ở Quảng Nam.

3. Khả năng sinh trưởng của các giống ớt cay

Qua theo dõi khả năng sinh trưởng của các giống được thể hiện ở bảng 4:

Bảng 4. Các chỉ tiêu sinh trưởng của các giống ớt tham gia thí nghiệm

TT	Chi tiêu Tên giống	Chiều cao cây (cm)		Số nhánh cấp 1/cây (nhánh)		Đường kính thân (cm)		Đường kính tán (cm)		Dài lá (cm)		Rộng lá (cm)	
		BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN
Giống ớt chỉ thiên													
1	MH 1107	74,0	72,2	8,1	8,3	1,7	1,5	71,7	79,7	15,7	15,8	4,8	4,1
2	F1 433 (đ/c)	77,7	81,5	7,8	8,1	1,7	1,6	80,8	84,1	14,4	14,7	3,7	3,4
3	F1 TN 278	79,5	77,1	7,7	6,8	1,9	1,8	75,2	76,1	16,3	16,5	5,0	5,1
4	CN 255	70,2	68,3	7,6	7,5	2,9	2,8	82,6	79,7	10,9	9,2	3,0	2,8
5	GR 8888	93,0	96,4	12,9	10,7	2,5	2,4	89,1	92,3	20,1	20,1	4,7	4,6
6	A hương	78,2	92,1	8,7	8,5	2,5	2,4	89,1	88,7	15,5	14,8	3,8	3,2
7	F1 207	87,3	91,1	9,6	9,1	2,5	2,5	86,7	85,9	16,5	16,0	4,6	4,1
Giống ớt chỉ địa													
8	F1 số 20	84,6	82,6	7,3	6,9	3,5	3,1	76,5	71,3	14,2	14,2	3,2	3,1
9	TN 213(đ/c)	86,5	85,2	12,6	12,2	3,8	3,2	75,8	78,0	11,3	10,7	3,5	3,2
10	9339-9582	89,6	88,2	8,5	8,2	3,1	2,9	80,2	84,3	12,3	12,1	3,5	3,0
11	F1 TN 155	73,2	76,5	8,4	7,7	3,1	2,7	70,2	74,6	12,2	12,7	2,6	2,8
12	TN 185	78,5	79,0	8,5	8,1	3,2	3,2	86,5	84,0	14,2	14,0	3,5	3,5
13	9955-15	62,8	61,2	7,8	7,9	3,5	3,6	58,9	62,2	15,6	14,8	3,5	3,6
14	Hot Chilli	75,6	72,5	6,2	6,6	3,5	3,5	72,6	75,4	12,1	12,6	2,8	2,9

Kết quả ở bảng 4 cho thấy:

Chiều cao cây của các giống ớt có sự sai khác rõ rệt. Đối với các giống chỉ thiên: Tại Bình Định, chiều cao cây dao động từ 70,2 - 93,0cm; tại Quảng Nam, chiều cao cây từ 72,2 - 96,4cm. Đối với giống chỉ địa, tại Bình Định chiều cao cây dao động từ 62,8cm (giống 9955-15) đến 89,6cm (giống 9339-9582), tại Quảng Nam từ 61,17cm đến 91,1cm.

Đường kính tán đối với các giống ớt chỉ thiên có độ biến động không đáng kể.

Tuy nhiên ở các giống ớt chỉ địa thì có sự sai khác rõ rệt, thấp nhất là giống 9955-15 tại cả hai điểm thí nghiệm (tại Bình Định đạt 58,9cm, Quảng Nam đạt 62,2cm), và đạt lớn nhất là giống F1 207 (tại Bình Định đạt 86,7cm và tại Quảng Nam đạt 85,9cm).

4. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất

Theo dõi các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống ớt cay, kết quả được thể hiện qua bảng 5:

Bảng 5. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống ớt cay

TT	Chi tiêu Tên giống	Số quả/cây		Khối lượng 100 quả (g)		Năng suất LT (tấn/ha)		Năng suất TT (tấn/ha)	
		BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN
Giống ớt chỉ thiên									
1	MH 1107	312	307	226,8	234,1	18,14	18,46	15,33	14,84
2	F1 433(đ/c)	315	286	265,3	258,3	21,47	18,95	16,66	14,06
3	TN 278	372	358	208,3	214,2	19,90	19,69	17,25	13,17
4	CN 255	347	349	194,0	201,6	17,28	18,08	15,39	13,56
5	GR 8888	385	338	218,6	214,3	21,62	18,60	16,51	13,62
6	A hương	305	395	253,0	251,4	19,82	25,49	16,20	15,91
7	F1 207	434	412	205,0	198,4	22,81	20,97	18,12	16,71
LSD 5%								0,85	2,38
CV%								9,15	11,86
Giống ớt chỉ địa									
8	F1 số 20	78	91	1509,4	1466,2	30,42	34,44	22,67	20,49
9	TN 213 (đ/c)	74	77	1600,0	1580,2	30,61	31,24	20,28	18,61
10	9339-9582	195	186	423,0	428,1	21,15	20,42	16,04	13,67
11	F1 TN 155	253	254	380,0	357,3	24,71	23,30	16,21	18,11
12	TN 185	78	78	1428,5	1455,2	28,64	29,33	24,84	22,36
13	9955-15	65	64	2231,6	2138,3	37,36	35,53	29,43	26,75
14	Hot Chilli	81	82	1481,5	1500,8	30,85	31,67	25,92	22,19
LSD 5%								5,2	3,4
CV%								14,6	8,17

Kết quả ở bảng 5 cho thấy: Số quả trên cây đối với các giống ớt chỉ thiên dao động thấp, tuy nhiên đối với các giống ớt chỉ địa thì có sự biến động lớn; tại Bình Định đạt từ 65 quả (giống 9955-15) đến 253 quả (giống TN 155); tại Quảng Nam từ 64 quả (giống 9955-15) đến 254 quả (giống TN155).

Khối lượng 100 quả ở các giống ớt chỉ địa dao động từ 423,0 - 2231,6g đối với các thí nghiệm tại Bình Định. Tại Quảng Nam khối lượng 100 quả dao động từ 428,1- 2138,3g.

Năng suất các giống ớt chỉ thiên tại Bình Định đạt 15,33 tấn/ha đến 18,12 tấn/ha, giống đạt năng suất cao nhất là F1 207(18,12 tấn/ha) thấp nhất là MH 1107 (15,33 tấn/ha). Tại Quảng Nam, năng suất các giống ớt chỉ

thiên đạt từ 13,17 tấn/ha (giống TN278) đến 16,71 tấn/ha (giống F1 207).

Các giống chỉ địa tham gia thí nghiệm cho năng suất khá cao, tuy nhiên giữa các giống có sự khác biệt rõ rệt về năng suất tại cả hai điểm thí nghiệm. Giống 9955-15 cho năng suất cao nhất 29,43 tấn/ha tại Bình Định; tương tự tại Quảng Nam là 26,75 tấn/ha và sai khác có ý nghĩa so với các giống khác.

5. Tình hình sâu, bệnh hại chính trên các giống ớt cay

Đánh giá tình hình sâu, bệnh hại trên các giống ớt tham gia thí nghiệm, các kết quả được thể hiện tại bảng 6:

Bảng 6. Mức độ nhiễm bệnh của các giống ớt cay

TT	Chi tiêu Tên giống	Bệnh thán thư (1,3,5)		Bệnh lở cổ rễ (%)		Bệnh héo xanh (%)		Nhện		Sâu đục quả (%)	
		BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN	BĐ	QN
1	MH 1107	1	1	7,2	4,8	12,5	15,6	++	+	4,5	4,5
2	F1 433	1	1	4,2	0	2,6	6,1	+	+	0	0
3	F1 TN 278	1	1	0	0	0	3,1	+	+	0	0
4	CN 255	1	1	0	0	10,03	9,5	+	+	8,4	8,4
5	GR 8888	1	1	5,2	5,3	7,1	7,5	+	+	0	0
6	A hương	1	1	5,6	4,7	5,2	5,6	+	+	5,3	5,3
7	F1 207	1	1	0	0	0	0	+	+	0	0
8	F1 số 20	1	1	0	0	0	0	+	+	0	0
9	TN 213	1	1	2,6	0	2,8	4,3	+	+	0	0
10	9339-9582	1	1	0	0	0	0,0	+	+	0	0
11	F1 TN 155	1	1	8,5	0	0	0	+	+	12,5	12,5
12	TN 185	1	1	2	0	2,1	0	+	+	0	0
13	9955-15	1	1	10,5	6,9	5,3	6,9	+	+	0	0
14	Hot Chilli	1	1	0	0	0	0	+	+	0	0

(1: tỷ lệ gây hại < 25%, 3: tỷ lệ gây hại 25 - 50%, 5: tỷ lệ gây hại > 50%)
(tỷ lệ gây hại nhẹ: +, tỷ lệ gây hại trung bình: ++, tỷ lệ gây hại nặng: +++)

Qua bảng trên cho thấy, hầu hết các giống tham gia thí nghiệm đều bị bệnh thán thư, nhện, sâu đục quả ở mức độ nhẹ không đáng kể trên cả 2 vùng thí nghiệm.

Bệnh lở cổ rễ xuất hiện trên một số giống ớt, mức độ gây hại cao nhất ở giống 9955-15 tỷ lệ lên đến 10,5% ở Bình Định và 6,9% ở Quảng Nam.

Bệnh héo xanh bị nhiễm cao nhất ở giống MH 1107 lần lượt 12,5% tại Bình Định và 15,6% tại Quảng Nam.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận

- Các giống ớt tham gia thí nghiệm thích nghi với điều kiện sinh thái vùng Duyên hải Nam Trung bộ, có khả năng sinh

trưởng tốt, năng suất khá cao và ít bị nhiễm sâu bệnh hại.

- Về năng suất:

+ Đối với ớt chỉ thiên: Giống F1 207 đạt năng suất cao nhất 18,12 tấn/ha tại Bình Định và 16,71 tấn/ha tại Quảng Nam.

+ Đối với ớt chỉ địa: Giống 9955-15 cho năng suất cao nhất đạt đến 29,43 tấn/ha, tiếp đó là giống Hot chilli 25,92 tấn/ha và giống TN 185 đạt 24,84 tấn/ha.

2. Đề nghị:

Cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu các biện pháp canh tác cho các giống ớt đã kết luận; đồng thời, đưa dần các giống trên vào cơ cấu mùa vụ ở vùng Duyên hải Nam Trung bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viện Kinh tế Nông nghiệp. *Báo cáo tổng quan các nghiên cứu về ngành rau quả của Việt Nam*. Hà Nội, tháng 4 năm 2005.
2. Trần Khắc Thi; *Rau ăn củ, rau gia vị*. NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ; 2008.
3. Viện Cây Lương thực và Cây thực phẩm. *Nghiên cứu chọn tạo một số loại rau chính*. Năm 1986-1990
4. Công ty TNHH Trang Nông, *Tuyển chọn và thử nghiệm các giống ớt cay*; 2002-2003.
5. Viện KHKTNN Duyên hải Nam Trung bộ “*Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu tuyển chọn giống và biện pháp canh tác một số loại rau chính (Cà tím, Ớt cay, dưa chuột, rau cải, Cà chua) thích hợp với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ*”, 2006-2008.
6. AVRDC (The World Vegetable Center). *Development of locally adapted, multiple disease-resistant and high yielding chili (Capsicum annuum) cultivars for China, India, Indonesia and Thailand - Phase II. Final report*, 1/2009.

**Người phản biện
TS. Phạm Xuân Liêm**

KẾT QUẢ CHỌN TẠO GIỐNG LẠC LDH.01

Hồ Huy Cường, Hoàng Minh Tâm,
Tạ Minh Sơn, Mạc Khánh Trang,
Nguyễn Trung Bình, Nguyễn Ngọc Bình

SUMMARY

Result of breeding new peanut variety LDH.01

LDH.01, a new peanut selected by Agricultural Science Institute for Southern Coastal Central of Viet Nam from a natural mutation of Ly peanut, a local variety, has the shape belonging to be half-straight, light blue leaf, average peanut-waist, sinew of peanut pod being unclear, thin pod, average size, the rate of 3-seed peanut being 40%. The growth and development duration is from 86 to 96 days depending on seasonal and ecological condition. Average yield of LDH.01 in different experimental sites: in Western mountain is 36,1 quintal/ha, in alluvial soil and Coastal sandy soil (Southern Coastal Central) is 28,5 quintal/ha. Selecting a suitable variety that overcomes above obstacles and difficulties is not only making peanut varieties more abundant but also a target of independent production requirements.

Keywords: Peanut, experimental sites, ecological regions, Binh Dinh province, Western mountain.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Diện tích gieo trồng lạc hàng năm ở Duyên hải Nam Trung bộ (DHNTB) và Tây Nguyên (TN) khoảng 54.100ha, chiếm 21,3% tổng diện tích gieo trồng lạc trong cả nước. Năng suất lạc bình quân năm của cả hai vùng chỉ mới đạt 15,5 tạ/ha, tương đương 78,3% so với năng suất bình quân

năm của cả nước. Trong các nguyên nhân hạn chế năng suất lạc ở Duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, thiếu bộ giống năng suất cao, chất lượng tốt thích nghi với điều kiện khí hậu và tập quán sản xuất của nông dân là nguyên nhân cơ bản.

Một số giống lạc mới thuộc dạng hình thâm canh như MD.7, LVT, L.14,... đã được tuyển chọn và chuyển giao cho sản